BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

DANH SÁCH BẢO LƯU ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP - NĂM 2017

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cho các nhà kinh tế 1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1	Pháp luật đại cương	Tin học đại cương	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Quản lý học 1	Toán cho các nhà kinh tế 2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Nguyên lý kế toán	Ngân hàng thương mại 1	Tài chính doanh nghiệp 1	Tài chính quốc tế 1	Tài chính công 1	Bảo hiểm thương mại 1	Kinh tế lượng 1	Thuế	Thanh toán quốc tế	Thống kê kinh doanh	Tin học ứng dụng	Kinh tế thương mại	Marketing căn bản	Định giá bất động sản	Quản trị nhân lực	Kinh doanh quốc tế	Kiểm toán căn bản	Phân tích báo cáo tài chính	Phân tích tài chính	Tài chính doanh nghiệp 2	Ngân hàng trung ương	Kế toán ngân hàng	Tổng số HP đề nghị miễn	Tổng số TC	Đơn giá đ/tín chỉ	Thành tiền (VNĐ)
				Số tín chỉ	2	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2					
(A)		(C)	(D)	TT Học phần	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	22	25	25	26	28	28	29	30	30	31	31	32	32	36	37	41	43					
				TT	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	14	17	18	19	20	21	22	24	27	28	30	35	36	40	41	43	44	46	47	48	53	54	58	60					
				Số lượng Bảo lưu	10	10	11	9	13	4	10	9	7	3	1	2	5	2	3	3	1	1	2	2	3	3	2	2	1	2	2	1	1	2	2	1	1	1	3					
	Trường Trung cấp Công nghệ và Kinh tế đối ngoại Hà Nội																																										
1	173438747	Lưu Tuấn	Cường	19/12/1983	7.0	7.0	7.0		7.0	6.0	7.0					8.0																								7	17	95,000	1,615,000
2	173438748	Nguyễn Thị	Hợi	08/08/1983	7.0	7.4	7.0	6.0	6.0	6.0		5.0	6.0	7.0			7.0							5.0				8.0	8.0											13	34	95,000	3,230,000
3	173438749	Nguyễn Mạnh	Hùng	25/02/1991	5.2	5.2	6.0	7.5	4.7		7.5					5.2																								7	17	95,000	1,615,000
4	173438750	Ngô Thanh	Hương	17/11/1993	6.1	6.2	7.6	7.4	4.6		5.5	7.6	6.6	6.4			6.3	5.9		4.9	6.7				5.9									7.0					6.4	16	42	95,000	3,990,000
5	173438751	Nguyễn Đình	Khuyến	01/05/1984	6.0	6.0	7.0	6.0	5.0	6.0	5.0	6.0	6.0	7.0	7.0			5.0						5.0						5.0		6.0								15	39	95,000	3,705,000
6	173438752	Ngô Thị	Liên	07/11/1994	5.8	5.8	6.9	7.4	7.7		7.3	7.7	7.2														8.4												9	22	95,000	2,090,000
7	173438753	Nguyễn Thị Hải	Ly	20/07/1994			6.3	6.3	5.3		5.6	6.1	6.2				8.1		8.0			8.0				7.7	7.2				8.0		5.1	6.5		5.6			7.1	16	40	95,000	3,800,000
8	173438754	Nguyễn Thị	Nguyệt	01/07/1992	7.5	7.5	4.7	6.0	7.5	7.5	7.5	6.0																												8	20	95,000	1,900,000
9	173438756	Lê Đức	Phương	06/07/1976					6.0																															1	2	95,000	190,000
10	173438757	Mai Hồng	Quân	12/11/1980					7.4																															1	2	95,000	190,000
11	173438758	Mai Xuân	Thượng	17/10/1993	5.7	5.7	5.2	5.0	6.1		5.5	7.0	5.8				7.4		8.1	7.8			7.6		5.0	6.3				9.2				8.4			6.9	6.9	18	46	95,000	4,370,000
12	173438759	Phạm Quốc	Toàn	20/06/1987	7.0	5.9	7.0		6.0		6.0	5.0															7.0												7	16	95,000	1,520,000
13	173438760	Trương Thị Minh	Trang	30/05/1992	6.8	6.8	7.1	7.1	5.5		6.4	5.3	5.1				7.7		9.3	9.7			8.0		9.1	9.5				8.6				9.6		8.3			17	45	95,000	4,275,000